TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **171** /2018/HS-PT
Ngày: 17 – 7 **-2018**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến
Ông Nguyễn Thanh Long

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 163/TLPT-HS ngày 01 tháng 03 năm 2018 đối với các bị cáo: HUỲNH QUỐC L về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

** Bị cáo có kháng cáo:*

HUỲNH QUỐC L, tên gọi khác: út mập; sinh năm 1994 tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông bà: Huỳnh Phi H và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ là Nguyễn Ngọc Như H (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2016; tiền án tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày: 17/7/2017, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Võ Đình D - Văn phòng Luật sư THT - Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

HUỲNH QUỐC L là đối tượng không có công việc ổn định, năm 2016 L vay tiền và thuê xe ô tô tự lái để cho người khác vay và thuê lại nhằm hưởng chênh lệch. Khoảng giữa năm 2016, một số người vay tiền của L không trả đúng hẹn nên L phải tự bỏ tiền hoặc vay mượn của người khác để trả cho người L vay nhằm kéo dài thời gian trả nợ. Từ tháng 7 đến tháng 9 năm L thuê 03 xe ô tô tự lái để sử dụng và cho người khác thuê lại, được một thời gian thì đến hạn L phải trả nợ cho một số người nhưng L không có tiền trả nên đã thế chấp các xe ô tô L thuê để lấy tiền trả các khoản nợ trước đó, đồng thời trả tiền thuê xe và sử dụng tiêu xài cá nhân. Đến tháng 9 năm 2016 sự việc bị phát hiện, cụ thể:

Ngày 01/7/2016, HUỲNH QUỐC L đến nhà anh Nguyễn Công T hỏi thuê xe ô tô tự lái. Sau khi thỏa thuận, anh T đồng ý cho L thuê xe ô tô nhãn hiệu Laciti Daewoo, biển số 47A - 027.17 với giá 5.00.000đ/ ngày, thời hạn thuê là 10 ngày nhưng không làm hợp đồng thuê xe. Sau khi nhận xe, L sử dụng xe ô tô biển số 47A - 027.17 đi lại và cho một số người quen thuê lại với giá 700.000đ/ ngày để hưởng chênh lệch. Cứ hết hạn thuê xe, L trả đủ tiền cho anh T và xin gia hạn thuê xe thêm 10 ngày. Đến ngày 31/7/2016 do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên L mang xe ô tô trên thế chấp cho bà Trần Thị Ngọc Y lấy 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), số tiền này L sử dụng trả các khoản nợ trước đó, trả tiền thuê xe cho anh T và tiêu xài cá nhân hết. Do L thuê xe nhiều ngày chưa trả nên ngày 20/8/2016, anh T yêu cầu L viết hợp đồng thuê xe với nội dung: Anh T cho L thuê xe ô tô biển số 47A - 027.17 từ ngày 20/8/2016 đến ngày 30/8/2016. Đến ngày 30/8/2016, L tới trả anh T 2.000.000đ tiền thuê xe, nợ lại 3.000.000đ và xin gia hạn thuê xe thêm 10 ngày. Đến ngày 11/9/2016 quá hạn thuê xe nhưng anh T không thấy L trả xe và tiền thuê xe nên gọi diện cho L nhưng không liên lạc được. Tối cùng ngày, vợ L là chị Nguyễn Ngọc Như H gọi điện nói cho anh T biết việc L đã thế chấp xe ô tô của anh T cho bà Y lấy 50.000.000đ (năm mươi

triệu đồng), nhưng không có tiền chuộc xe về trả cho anh T.

Ngày 04/8/2016, có người hỏi thuê xe ô tô tự lái nên L lên mạng xã hội (Facebook) và vào trang cá nhân của anh Nguyễn Thanh T để xem vì L đã thuê xe ô tô tự lái của anh T nhiều lần và biết anh T thường đăng hình ảnh thông tin các xe ô tô cho thuê lên trang cá nhân để cho khách chọn. Sau khi xem, L liên lạc với anh T hỏi thuê xe ô tô hiệu Mazda3; biển số 47A - 157.29. Do xe ô tô này là của chị Nguyễn Thị Ngọc A (chị gái anh T) mua để phục vụ kinh doanh cho thuê tự lái nên T trao đổi với chị A việc cho L thuê xe thì chị A đồng ý. Sau đó, anh T và L làm hợp đồng thỏa thuận giá thuê xe ô tô trên là 800.000đ/ngày, thời hạn thuê là 05 ngày, rồi anh T giao xe cùng các giấy tờ xe gồm bản gốc Giấy chứng nhận, kiểm định, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS, bản photo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô có dấu của Ngân hàng X cho L. Sau khi thuê xe, L sử dụng đi lại và cho một số người quen thuê với giá l.000.000đ/ngày để hưởng chênh lệch. Cứ hết hạn thuê xe, L trả đủ tiền cho anh T rồi gia hạn thêm 05 ngày. Ngày 25/8/2016, đến hạn L phải trả một số khoản nợ trước đó nhưng không có tiền, L nảy sinh ý định thế chấp xe ô tô lấy tiền trả nợ nên đã đưa xe ô tô trên đến nhà anh Võ Văn T1 trao đổi thế chấp vay 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Tại đây, L viết giấy vay tiền có nội dung: Ngày 25/8/2016, L vay của anh T1 250.000.000đ, để lại Giấy chứng minh nhân dân mang tên HUỲNH QUỐC L và xe ô tô biển số 47A - 157.29 cam đoan xe này là tài sản của L, hẹn ngày 04/9/2016 sẽ trả đủ tiền cho anh T1. Sau khi vay tiền, L sử dụng trả nợ, trả tiền thuê xe cho anh T, chị Ngọc A và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 06/9/2016, L lên mạng xã hội và vào trang cá nhân của anh T tìm thuê xe ô tô tự lái thì thấy anh T đăng cho thuê xe ô tô hiệu Mazda3 biển số 47A - 159.66 nên L hỏi thuê. Xe ô tô này cũng là tài sản của chị Nguyễn Thị Ngọc Anh nhờ anh T cho thuê giúp nên anh T trao đổi với chị A thì chị A đồng ý cho thuê xe ô tô trên. Sau đó, anh T và L làm hợp đồng thỏa thuận giá thuê xe là 800.000đ/ngày, thuê trong 03 ngày, rồi anh T giao xe cùng các giấy tờ xe gồm bản gốc Giấy chứng nhận kiểm định, Giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS, bản

photo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô có dấu của Ngân hàng X cho L. Do một số khoản nợ đến hạn trả nhưng L không có tiền nên tối cùng ngày, L nảy sinh ý định thế chấp xe ô tô trên lấy tiền trả nợ nên L đưa xe đến gặp anh Võ Văn T1 tiếp tục thế chấp để vay số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) nhưng anh T1 không đồng ý, lý do trước đó L đã thế chấp xe ô tô biển số 47A - 157.29 quá hạn nhưng chưa trả tiền, anh T1 yêu cầu phải có vợ L viết giấy thì mới cho vay. Khoảng 22 giờ cùng ngày, L gọi điện thoại cho vợ là chị Nguyễn Ngọc Như H đến nhà anh T1 viết giùm L giấy vay tiền để lo công việc, L hứa hẹn vài ngày sẽ lấy tiền trả cho anh T1. Khi đến nơi, L nói H viết giấy vay tiền, nội dung: Ngày 06/9/2016, H vay của T1 số tiền 130.000.000đ nhận và cam đoan xe ô tô 47A - 159.66 là tài sản của mình. Sau khi viết xong, H đi xe taxi về nhà trước, còn L ở lại nhận số tiền 130.000.000d (một trăm ha mươi triệu đồng), số tiền này L sử dụng trả các khoản nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 223/KLĐG ngày 10/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B xác định tổng trị giá 03 chiếc xe ô tô trên là 1.440.000.000đ

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã quyết định:**

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo HUỲNH QUỐC L phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo HUỲNH QUỐC L 14 (Mười bốn) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/7/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phần án phí; quyền kháng cáo, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật**.**

Ngày 20-01-2018, bị cáo HUỲNH QUỐC L có đơn kháng cáo xin giảm

án.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Sửa án sơ thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bởi lẽ, bị cáo L được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên mức án 14 năm tù, Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử đối với bị cáo là nghiêm khắc.

Luật sư bào chữa cho bị cáo HUỲNH QUỐC L đồng quan điểm với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã xét xử HUỲNH QUỐC L phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy, trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 9/2016 HUỲNH QUỐC L thuê 3 xe ô tô tự lái hoặc cho thuê lại nhưng L đem các xe này thế chấp lấy tiền tiêu xài. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.440.000.000đ; Trong đó có 2 xe có giá trị mỗi chiếc là 610 triệu đồng.

Với hành vi nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo. Toà án cấp sơ thẩm đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo; Cân nhắc đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo khoản b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên xử mức án 14 năm tù.

Tuy nhiên, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi đầy đủ trả cho người bị hại. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Mức hình phạt 14 năm tù Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên xử là có phần nghiêm khắc. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Chấp nhận kháng cáo của bị cáo HUỲNH QUỐC L. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt:

Xử phạt bị cáo HUỲNH QUỐC L 12 (Mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/7/2017.

2/ Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Án phí hình sự phúc thẩm: HUỲNH QUỐC L không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TANDTC;*
- *VKSNDCC tại Đà Nẵng;*
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND tỉnh Đăk Lăk;*
- *Công an tỉnh Đăk Lăk;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Đăk Lăk;*
- *Cục thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh Đăk Lăk;*
- *Bị cáo;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Bá Sơn